

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh; xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và phân công nhiệm vụ cụ thể các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ.

b) Tăng cường quyền lợi, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động trên biển; phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, nhất là trách nhiệm, sự phối hợp của các sở, ban, ngành, địa phương và sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng, người dân trong thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội trên biển và khu vực ven biển.

2. Yêu cầu

a) Đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung, nhiệm vụ Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ; triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng biển của tỉnh.

b) Xác định tài nguyên, môi trường biển là nền tảng và nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, nguồn lực chất lượng cao và những tri thức tích lũy được từ cuộc sống của cộng đồng dân cư ven biển phát triển kinh tế biển.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tài nguyên biển được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục

vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh; ô nhiễm môi trường biển được ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu; đa dạng sinh học biển, ven biển được bảo vệ, duy trì và phục hồi; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tài nguyên biển được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả để phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển và khu vực ven biển, nhất là các lĩnh vực kinh tế biển mang tính chiến lược: (1) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (2) Công nghiệp biển; (3) Nuôi trồng, chế biến và khai thác thủy sản; (4) Du lịch biển; (5) Hoàn thiện một số hạng mục kết cấu hạ tầng quan trọng về kinh tế biển và logistics; phát triển giao thông vận tải biển; (6) Đẩy mạnh phát triển giáo dục, tiếp tục đầu tư cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển; (7) Bảo đảm hài hòa phát triển kinh tế biển với quốc phòng - an ninh, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.”.

b) Ô nhiễm môi trường biển được kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu; các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền và trên biển, sự cố môi trường biển, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương được quan trắc, kiểm soát và quản lý hiệu quả. Đến năm 2030, ở các đô thị ven biển 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% các khu công nghiệp trong khu kinh tế và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về môi trường và sức tái môi trường biển, khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển.

Quản lý và bảo vệ, bảo tồn các hệ sinh thái biển, ven biển; thành lập các khu bảo tồn nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định; tăng diện tích rừng ngập mặn ven biển tối thiểu 20%.

c) Ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng dựa vào sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cùng với năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu và tác động của nước biển dâng được tăng cường.

d) Điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học biển đáp ứng được yêu cầu của hoạt động khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa biển, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng góp phần phát triển bền vững kinh tế biển. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Tài nguyên biển được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, đa dạng sinh học biển được bảo tồn, môi trường biển trong lành, đưa Trà Vinh trở thành tỉnh phát triển mạnh về biển.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Chiến lược

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai các nội dung Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với từng đối tượng nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo sự đồng thuận, sự quyết tâm của các cấp, các ngành và nhân dân trong triển khai thực hiện Chiến lược.

2. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển

a) Phân vùng sử dụng không gian biển

- Từng bước khắc phục những mâu thuẫn, chông chéo về lợi ích khai thác, sử dụng tài nguyên giữa các ngành, các cấp, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và sinh kế của người dân, bảo đảm môi trường biển, các hệ sinh thái biển, ven biển được bảo vệ hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Thực hiện các mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác, sử dụng tài nguyên biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản và bảo tồn các di sản văn hóa biển.

- Ưu tiên bố trí không gian biển cho các hoạt động sau:

+ Phát triển nhanh các lĩnh vực dịch vụ, du lịch; chú trọng phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa...; kết nối, hình thành các tuyến du lịch biển gắn với du lịch văn hóa, lễ hội,... Xúc tiến quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của ba dân tộc Kinh - Hoa - Khmer trên địa bàn tỉnh, tạo sự hấp dẫn du khách đến tham quan, du lịch tại các vùng cửa sông, ven biển của tỉnh.

+ Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng, phát triển khu kinh tế, các khu công nghiệp ven biển trên địa bàn tỉnh. Phát triển dịch vụ logistics trên cơ sở phát triển cảng biển và Khu Kinh tế Định An, hoàn thành đưa vào sử dụng Khu bến cảng tổng hợp Định An, kêu gọi đầu tư cảng biển Trà Vinh với trọng tâm là cảng nước sâu, trở thành cửa ngõ biển để kết nối với các tỉnh của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; khuyến khích đầu tư phát triển các đội tàu vận tải biển phục vụ vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu gắn với phát triển ngành công nghiệp đóng tàu trong Khu Kinh tế Định An, phát triển các đô thị ven biển.

+ Thăm dò, khai thác khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên nguyên tắc khai thác tiết kiệm, hiệu quả.

+ Phát triển ngành thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế, góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh trên biển; khuyến khích, thu hút đầu tư vào lĩnh vực thủy sản như: Nuôi trồng, khai thác, chế biến, bảo quản, xuất khẩu hải sản, hiện đại hóa hệ thống hậu cần nghề cá; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã,

liên hiệp hợp tác xã, thu hút các doanh nghiệp tham gia khai thác xa bờ, phát triển tốt dịch vụ hậu cần nghề cá, hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển.

+ Phát triển các khu công nghiệp trong Khu Kinh tế Định An, nhất là các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn,.... Thu hút đầu tư các dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông ven biển, sản xuất, thương mại - dịch vụ; đẩy mạnh xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp, khuyến khích đầu tư các ngành công nghiệp có lợi thế về nguồn nguyên liệu, lợi thế cạnh tranh, nhất là công nghiệp chế biến hàng nông, thủy sản xuất khẩu, công nghiệp đóng và sửa chữa tàu, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ.

+ Phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác) trên vùng biển của tỉnh, đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển điện gió, điện mặt trời gắn với bảo vệ môi trường, phát triển rừng và du lịch sinh thái biển, ven biển; phát huy tối đa tiềm năng sử dụng đất bãi bồi ven biển.

+ Xác định các khu vực có thể lấn biển để phát triển kinh tế - xã hội và khu vực nhận chìm ở biển trong trường hợp các vật liệu nạo vét không đổ được trên bờ.

+ Đầu tư nâng cấp, khai thác các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão trên địa bàn tỉnh.

b) Ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh các hoạt động, mô hình khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường; hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên bằng các công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây tổn hại đến tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học.

c) Thúc đẩy hoạt động đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm và quyền hưởng lợi trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển; đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề, đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng; bảo tồn các di sản văn hóa biển.

3. Bảo vệ môi trường biển, đảo

a) Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh về việc quản lý rác thải nhựa và rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tăng cường năng lực và chủ động quan trắc, kiểm soát, giám sát, xử lý các vấn đề môi trường biển của tỉnh.

b) Điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường, xác định cấp độ rủi ro ô nhiễm môi trường biển cho phát triển kinh tế biển; phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển; chủ động kiểm soát, giám sát, xử lý các vấn đề môi trường biển; tăng cường quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường biển.

4. Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển

a) Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển, ven biển; thành lập mới các khu bảo tồn nếu đủ tiêu chuẩn theo

quy định; phát triển tăng diện tích rừng ngập mặn, dự kiến đến năm 2030 đạt khoảng 1.583 ha.

b) Đẩy mạnh điều tra, đánh giá và xác định mức độ dễ bị tổn thương, tính nguy cấp của các loài sinh vật biển đặc hữu, có giá trị khoa học và kinh tế để đưa ra các phương án, giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phục hồi.

c) Thiết lập, mở rộng và tăng cường năng lực quản lý các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống và đường di cư của các loài thủy sản. Đến năm 2030, 100% các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản được xác định và quản lý hiệu quả.

d) Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, gây nuôi và buôn bán các loài sinh vật biển hoang dã thuộc danh mục cần được bảo tồn.

e) Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; kiểm soát chặt chẽ sự du nhập các giống, loài thủy sản ngoại lai và sự du nhập sinh vật ngoại lai qua hoạt động vận tải biển.

5. Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

a) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát, đổi mới công nghệ và hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo hướng giảm thiểu phát thải khí nhà kính theo cam kết của Việt Nam tại COP 26.

c) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, khả năng chống chịu và phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội vùng biển, ven biển trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; quan trắc, giám sát môi trường biển, giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành kinh tế biển và đời sống, sinh kế cộng đồng trên vùng biển và ven biển.

d) Triển khai các giải pháp ứng phó dựa vào hệ sinh thái và tự nhiên thông qua việc bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển nhằm giảm thiểu thiệt hại do nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán, sạt lở và các tác động khác đối với vùng biển và ven biển.

e) Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển phù hợp với từng ngành kinh tế biển, vùng biển và ven biển.

g) Phát triển mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Xây dựng, phát triển đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Điều tra cơ bản biển

a) Tiếp tục rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình số 30-CTr/TU ngày 26/12/2018, Chương trình số 21-CTr/TU, ngày 11/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Điều tra, đánh giá tài nguyên, môi trường biển, khu vực vùng biển ven bờ và vùng lòng của tỉnh làm cơ sở hoạch định các chính sách khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển.

7. Phát triển khoa học, công nghệ

a) Lồng ghép, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại trong khai thác, nuôi trồng thủy sản, nhất là khai thác xa bờ; công nghệ bảo quản sản phẩm sau thu hoạch; các mô hình nuôi trồng hải sản khu vực ven biển; nghiên cứu ứng dụng các giải pháp mới nhằm hạn chế khai thác thủy sản ven bờ làm cạn kiệt nguồn tài nguyên, bảo vệ được nguồn lợi thủy sản.

c) Khuyến khích đầu tư phát triển khoa học, công nghệ biển, đặc biệt các lĩnh vực công nghệ chế biến sâu, công nghệ khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường.

8. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

a) Nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện có hiệu quả các chương trình đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành kinh tế biển; đồng thời, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức, người lao động làm công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường biển.

b) Có cơ chế khuyến khích các cơ quan khoa học - kỹ thuật, trường học, các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội cũng như cộng đồng dân cư ven biển... tham gia rộng rãi vào quá trình quản lý tổng hợp vùng bờ.

9. Chủ động tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về quản lý, nghiên cứu tài nguyên, môi trường biển, đảo

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; thực hiện nghiêm các điều ước, thỏa thuận khu vực và quốc tế về biển mà Việt Nam đã tham gia.

10. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, đảo; xây dựng cơ chế tài chính bền vững phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển, đảo

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; ban hành theo thẩm quyền các văn bản quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

b) Tăng cường năng lực của bộ máy quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đáp ứng nhu cầu quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

c) Đề xuất xây dựng chính sách đầu tư bền vững cho các nhiệm vụ về quản lý tổng hợp biển và hải đảo và đầu tư phát triển các chương trình, dự án và xây dựng công trình kinh tế trọng điểm; xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực biển.

d) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn đầu tư để phục vụ công tác quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

e) Rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xây dựng cơ chế tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường biển và cơ chế đầu tư trở lại cho điều tra, nghiên cứu về biển, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

11. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển, đảo

Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển hệ thống công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, thường xuyên cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường biển.

12. Nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tập trung tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thông qua các chiến dịch tuyên truyền cao điểm hàng năm như: Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01 - 08/6).

b) Đẩy mạnh giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết, từ đó hình thành ý thức bảo vệ môi trường, trồng, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn, ý thức chấp hành pháp luật về biển trong xã hội. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven biển về biến đổi khí hậu và kỹ năng thích nghi để sống chung với biến đổi khí hậu. Vận động ngư dân không sử dụng các biện pháp có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản, không khai thác hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục cấm khai thác và có trách nhiệm bảo vệ các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ.

c) Các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông có chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển, đảo.

d) Đưa nội dung giáo dục về tài nguyên, môi trường, chủ quyền biển, đảo vào chương trình giảng dạy ở các cấp học nhằm cung cấp thông tin, kiến thức cơ bản về biển, tài nguyên và môi trường biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cho các tầng lớp học sinh, sinh viên. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, giáo dục ý thức về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

IV. CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Các Sở, ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ theo Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 về việc ban hành Kế hoạch Phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án mới trong Phụ lục kèm theo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ chế điều phối liên ngành

Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (theo Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) là cơ quan điều phối liên ngành triển khai thực hiện Chiến lược.

2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch này; hàng năm chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí, đa dạng hóa các nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ, dự án kèm theo Kế hoạch. **Định kỳ hàng năm (trước ngày 01 tháng 12)** báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng trong khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển; khai thác,

sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên biển, phù hợp với quy hoạch, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương, bảo vệ hệ sinh thái biển và đa dạng sinh học.

c) Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Trà Vinh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền phân bổ vốn đầu tư thực hiện Kế hoạch phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, pháp luật có liên quan và khả năng cân đối ngân sách.

5. Sở Tài chính

Căn cứ nhiệm vụ của kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đề xuất kinh phí của Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp Ngân sách nhà nước hiện hành.

6. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển theo quy định; tổ chức thực hiện Quyết định của cấp có thẩm quyền về ranh giới hành chính trên biển.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan xây dựng, triển khai các giải pháp thúc đẩy hoạt động thủy sản; nuôi trồng thủy sản trên biển, khai thác thủy sản bền vững; các công nghệ chế biến sâu sản phẩm thủy sản; các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành thủy sản; bảo tồn biển, phục hồi, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái biển, ven biển để đóng góp vào phát triển kinh tế biển, ven biển.

b) Quản lý các hoạt động khai thác thủy sản xa bờ, nuôi trồng thủy sản tại khu vực ven biển; khoanh vùng, bảo vệ các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống và đường di cư của các loài thủy sản; bảo vệ và phát triển diện tích rừng ngập mặn.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến biển; chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào nuôi trồng, khai thác thủy sản, bảo quản sản phẩm nghề cá,... phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

9. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế biển; phát triển các ngành công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm và thân thiện với môi trường. Ưu tiên thực hiện các công trình, dự án trong thu hút nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững kinh tế biển.

b) Triển khai thực hiện các chính sách về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển theo quy định.

10. Sở Văn hóa và Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị và địa phương có liên quan đẩy mạnh phát triển du lịch theo hướng bền vững, phát huy tiềm năng lợi thế của tỉnh; phát triển và nhân rộng các mô hình du lịch bền vững, du lịch cộng đồng vùng ven biển.

11. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hệ thống cảng biển, vận tải biển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh, nhất là các bến cảng quy mô lớn, trong Khu kinh tế, khu công nghiệp, các công trình, dự án giao thông vận tải khu vực ven biển.

12. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất phát triển các đô thị xanh ven biển, khu đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành các trung tâm kinh tế biển; thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật thông minh, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các đô thị ven biển trên địa bàn tỉnh.

13. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển và hải đảo, về phát triển bền vững kinh tế biển, các tiềm năng, lợi thế của tỉnh để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế biển của tỉnh.

14. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh quốc phòng trên biển. Tham gia công tác bảo vệ môi trường biển, phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, làm chỗ dựa vững chắc cho ngư dân và các thành phần kinh tế sản xuất, khai thác, sử dụng tài nguyên biển bền vững.

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến, nâng cao ý thức chấp hành tốt quy định về bảo vệ chủ quyền, an ninh trật tự của người dân; kỹ năng phòng tránh thiên tai, sự cố, tai nạn, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, môi trường biển.

c) Thường xuyên tuần tra, kiểm soát, giám sát chặt chẽ việc cư trú, hành nghề, hoạt động trên khu vực biên giới biển, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, đảm bảo an ninh trật tự khu vực biển.

d) Tham gia bảo vệ an ninh, an toàn cho các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và khai thác, sử dụng tài nguyên tại các vùng biển của tỉnh. Đồng thời, làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các hành vi khai thác trái phép tài nguyên tại khu vực biên giới.

15. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên, khoáng sản, gây ô nhiễm môi trường biển; tham gia bảo vệ an ninh quốc phòng, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

16. Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh

Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 07/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 07/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển Khu kinh tế Định An giai đoạn 2022 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; tăng cường kêu gọi các nhà đầu tư vào phát triển kinh tế biển, công nghiệp biển.

17. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Lồng ghép giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học. Quan tâm hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành có tiềm năng hỗ trợ phát triển kinh tế biển.

18. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Có chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng ven biển, giảm tỷ lệ thất nghiệp, hộ nghèo, phần đầu thu nhập bình quân đầu người cao hơn thu nhập bình quân chung của tỉnh. Rà soát các ngành, nghề cần đào tạo ở các cấp học phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế biển, vùng ven biển của tỉnh.

19. Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh

Xây dựng đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng bộ ngành nghề theo từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế biển, chú trọng nguồn nhân lực theo các lĩnh vực ưu tiên các ngành nuôi trồng, chế biến và khai thác thủy sản, môi trường, cơ khí, tự động hóa, cơ điện tử, thợ máy, thuyền trưởng...

20. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp Nhân dân về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

c) Chủ trì xây dựng, điều chỉnh, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong phạm vi quyền hạn của địa phương.

21. Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh

Dành thời lượng phát sóng các chuyên mục, phóng sự tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; tiềm năng, lợi thế phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

22. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các sở, ngành, đơn vị có liên quan và địa phương phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PNN *phuy* 02

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG
TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Kế hoạch số 104 /KH-UBND ngày 01 / 11 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
I	KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN BIỂN		
1	Xây dựng Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2025 - 2026
2	Nghiên cứu sàng lọc và đề xuất một số mô hình nuôi biển phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh Trà Vinh	Sở Khoa học và Công nghệ	2025 - 2026
II	BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ NGUỒN LỢI BIỂN		
3	Đánh giá hiện trạng các hệ sinh thái biển Trà Vinh và đề xuất chiến lược quản lý bền vững	Sở Khoa học và Công nghệ	2025 - 2028
4	Nghiên cứu cơ sở khoa học sinh thái đề xuất bảo tồn, bảo vệ các hệ sinh thái ven biển nhằm phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
III	ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, NƯỚC BIỂN DÂNG		
5	Rà soát, đánh giá mức độ an toàn của hệ thống đê bao, bờ bao, cửa cống vùng cửa sông ven biển do xói lở, triều cường và đề xuất giải pháp đảm bảo khả năng chống chịu trong giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Khoa học và Công nghệ	2024-2026
6	Đánh giá biến động và đề xuất giải pháp ổn định cửa sông Cổ Chiên phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội tỉnh Trà Vinh	Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2027
IV	ĐIỀU TRA CƠ BẢN BIỂN, ĐẢO		
7	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu tài nguyên đa dạng sinh học biển Trà Vinh	Sở Khoa học và Công nghệ	2027 - 2030